

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG TRẦN LÃM**

Số: 10211/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phường Trần Lâm, ngày 13 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án Phát triển nhà ở
Khu đô thị mới Kiến Giang, thành phố Thái Bình**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG TRẦN LÃM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 và Luật số 43/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật đất đai;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;

Căn cứ Quyết định số 13/2026/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 của UBND tỉnh về việc phân cấp, ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 10/4/2024 của HĐND tỉnh Thái Bình phê duyệt danh mục dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Thái Bình;

Căn cứ Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 15/11/2024 của HĐND tỉnh Thái Bình về việc phê duyệt danh mục các dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất mà có diện tích đất trồng lúa theo quy hoạch trên địa bàn tỉnh Thái Bình;

Căn cứ Quyết định số 288/QĐ-UBND ngày 24/01/2017 của UBND tỉnh Thái Bình về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị mới Kiến Giang, thành phố Thái Bình; Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 09/4/2023 của UBND thành phố Thái Bình phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ

1/500 Khu đô thị mới Kiến Giang, thành phố Thái Bình;

Căn cứ Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 24/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 14/8/2024 của UBND tỉnh Thái Bình về việc chấp thuận nhà đầu tư thực hiện Dự án Phát triển nhà ở Khu đô thị mới Kiến Giang, thành phố Thái Bình;

Căn cứ Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 19/5/2025 của UBND thành phố Thái Bình về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Phát triển nhà ở Khu đô thị mới Kiến Giang, thành phố Thái Bình;

Căn cứ Quyết định số 2264/QĐ-UBND ngày 13/5/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Trần Lãm về việc ủy quyền giải quyết và ký các văn bản liên quan đến lĩnh vực đất đai;

Căn cứ các Quyết định: Số 2185/QĐ-UBND ngày 28/4/2026 và số 2951/QĐ-UBND ngày 22/7/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Trần Lãm về việc phê duyệt phương bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Phát triển nhà ở Khu đô thị mới Kiến Giang, thành phố Thái Bình (Đợt 1 và Đợt 3);

Theo đề nghị của Trung tâm Phát triển quỹ đất số 02 tỉnh Hưng Yên (nay là Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Hưng Yên) tại các Tờ trình: Số 46/TTr-TTPTQĐ2 ngày 09/4/2026 và số 85/TTr-TTPTQĐ2 ngày 16/6/2026; đề nghị của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường tại Tờ trình số 527/TTr-KTHTĐT ngày 09/10/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi 7.631,5 m² đất (Loại đất: Đất trồng cây hàng năm; đất nghĩa trang, nghĩa địa; đất thủy lợi; đất giao thông; đất bằng chưa sử dụng) do UBND phường Trần Lãm quản lý; (Có danh sách kèm theo).

Vị trí khu đất thu hồi được xác định theo tờ bản đồ Chính lý bản Trích lục địa chính khu đất số 03-2025, tỷ lệ 1:1000 do Công ty TNHH Quy hoạch và xây dựng Minh Phương lập ngày 10/01/2025 và được Sở Nông nghiệp và Môi trường Thái Bình thẩm định ngày 25/3/2025.

Lý do thu hồi đất: Để thực hiện dự án Phát triển nhà ở Khu đô thị mới Kiến Giang, thành phố Thái Bình.

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này:

1. Phòng Kinh tế Hạ tầng và đô thị phường niêm yết công khai Quyết định này tại Trụ sở UBND phường Trần Lãm, địa điểm sinh hoạt chung Tổ dân phố số 11, phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên.

2. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường Trần Lãm chịu trách nhiệm đăng tải Quyết định này lên cổng thông tin điện tử phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên.

3. Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Hưng Yên có trách nhiệm quản lý chặt chẽ quỹ đất đã thu hồi; phối hợp với UBND phường thực hiện thủ tục đất đai theo quy định.

Điều 3.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường, Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Hưng Yên, các phòng, đơn vị và người dử dụng đất có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Lãnh đạo UBND phường;
- Lưu: VT, KTHTĐT.

Ph



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Thị Lan Anh

BẢNG DIỆN TÍCH, LOẠI ĐẤT THU HỒI**Dự án: Phát triển nhà ở khu đô thị mới Kiến Giang (thuộc địa bàn phường Trần Lãm).***(Kèm theo Quyết định số: 1021/QĐ-UBND ngày 13/10/2026 của Chủ tịch UBND phường Trần Lãm)*

STT	Họ và tên chủ sử dụng	Tờ bản đồ	Số thửa đất	Loại đất	Diện tích thực hiện dự án, thu hồi theo TL địa chính (m ²)	Ghi chú
A	B	C	D	E	F	G
1	UBND phường Trần Lãm	62	27	LUC	21,1	
2	UBND phường Trần Lãm	61	17	LUC	28,1	
3	UBND phường Trần Lãm	61	18	LUC	21,2	
4	UBND phường Trần Lãm	61	22	LUC	3,5	
5	UBND phường Trần Lãm	61	44	LUC	59,3	
6	UBND phường Trần Lãm	61	51	LUC	10,3	
7	UBND phường Trần Lãm	61	52	LUC	7,4	
8	UBND phường Trần Lãm	61	55	LUC	1,7	
9	UBND phường Trần Lãm	54	65	LUC	30,6	
10	UBND phường Trần Lãm	61	57	LUC	13,0	
11	UBND phường Trần Lãm	61	58	LUC	177,0	
12	UBND phường Trần Lãm	61	62	LUC	106,2	
13	UBND phường Trần Lãm	54	5	LUC	56,0	
14	UBND phường Trần Lãm	54	57	LUC	172,7	
15	UBND phường Trần Lãm	54	66	LUC	19,6	
16	UBND phường Trần Lãm	53	5	LUC	5,9	
17	UBND phường Trần Lãm	61	15	LUC	4,5	
18	UBND phường Trần Lãm	61	49	LUC	23,6	

STT	Họ và tên chủ sử dụng	Tờ bản đồ	Số thửa đất	Loại đất	Diện tích thực hiện dự án, thu hồi theo TL địa chính (m ²)	Ghi chú
A	B	C	D	E	F	G
19	UBND phường Trần Lãm	54	6	LUC	21,4	
20	UBND phường Trần Lãm	54	19	LUC	76,8	
21	UBND phường Trần Lãm	54	59	LUC	14,9	
22	UBND phường Trần Lãm	54	62	LUC	62,0	
23	UBND phường Trần Lãm	54	70	LUC	184,2	
24	UBND phường Trần Lãm	54	76	LUC	0,3	
25	UBND phường Trần Lãm	54	75	LUC	120,6	
26	UBND phường Trần Lãm	62	29	LUC	18,5	
27	UBND phường Trần Lãm	54	15	LUC	72,9	
28	UBND phường Trần Lãm	62	40	LUC	60,9	
29	UBND phường Trần Lãm	62	57	LUC	13,2	
30	UBND phường Trần Lãm	62	58	LUC	7,0	
31	UBND phường Trần Lãm	62	61	LUC	7,9	
32	UBND phường Trần Lãm	62	66	LUC	61,7	
33	UBND phường Trần Lãm	62	67	LUC	69,0	
34	UBND phường Trần Lãm	62	67	LUC	38,0	
35	UBND phường Trần Lãm	62	69	LUC	93,1	
36	UBND phường Trần Lãm	54	13	LUC	324,4	
37	UBND phường Trần Lãm	62	73	LUC	39,3	

STT	Họ và tên chủ sử dụng	Tờ bản đồ	Số thửa đất	Loại đất	Diện tích thực hiện dự án, thu hồi theo TL địa chính (m ²)	Ghi chú
A	B	C	D	E	F	G
38	UBND phường Trần Lãm	61	30	LUC	101,2	
39	UBND phường Trần Lãm	54	14	LUC	111,8	
40	UBND phường Trần Lãm	54	9	LUC	22,4	
41	UBND phường Trần Lãm	54	10	LUC	75,6	
42	UBND phường Trần Lãm	54	11	LUC	0,6	
43	UBND phường Trần Lãm	54	12	LUC	23,1	
44	UBND phường Trần Lãm	62	70	LUC	51,6	
45	UBND phường Trần Lãm	54	36	LUC	26,5	
46	UBND phường Trần Lãm	62	63	LUC	31,2	
47	UBND phường Trần Lãm	54	35	LUC	8,5	
48	UBND phường Trần Lãm	54	8	LUC	0,7	
49	UBND phường Trần Lãm	54	40	LUC	63,5	
50	UBND phường Trần Lãm	61	39	LUC	46,4	
51	UBND phường Trần Lãm	61	64	LUC	87,3	
52	UBND phường Trần Lãm	61	9	LUC	11,9	
53	UBND phường Trần Lãm	61	31	LUC	3,3	
54	UBND phường Trần Lãm	61	34	LUC	2,0	
55	UBND phường Trần Lãm	61	35	LUC	42,0	
56	UBND phường Trần Lãm	61	40	LUC	9,9	

STT	Họ và tên chủ sử dụng	Tờ bản đồ	Số thửa đất	Loại đất	Diện tích thực hiện dự án, thu hồi theo TL địa chính (m ²)	Ghi chú
A	B	C	D	E	F	G
57	UBND phường Trần Lãm	61	41	LUC	17,6	
58	UBND phường Trần Lãm	61	63	LUC	3,6	
59	UBND phường Trần Lãm	61	69	LUC	103,2	
60	UBND phường Trần Lãm	53	1	LUC	6,1	
61	UBND phường Trần Lãm	61	68	LUC	139,9	
62	UBND phường Trần Lãm	61	3	LUC	12,2	
63	UBND phường Trần Lãm	61	7	LUC	3,4	
64	UBND phường Trần Lãm	61	2	LUC	374,1	
65	UBND phường Trần Lãm	53	2	LUC	7,9	
66	UBND phường Trần Lãm	53	4	LUC	37,9	
67	UBND phường Trần Lãm	54	7	LUC	41,4	
68	UBND phường Trần Lãm	61	20	LUC	46,6	
69	UBND phường Trần Lãm	62	36	BCS	30,3	
70	UBND phường Trần Lãm	62	37	BCS	26,0	
71	UBND phường Trần Lãm	62	43	BCS	58,0	
72	UBND phường Trần Lãm	62	62	BCS	38,9	
73	UBND phường Trần Lãm	62	64	BCS	54,1	
74	UBND phường Trần Lãm	62	65	BCS	51,4	
75	UBND phường Trần Lãm	62	68	BCS	59,2	

STT	Họ và tên chủ sử dụng	Tờ bản đồ	Số thửa đất	Loại đất	Diện tích thực hiện dự án, thu hồi theo TL địa chính (m ²)	Ghi chú
A	B	C	D	E	F	G
76	UBND phường Trần Lãm	62	39	NTD	2,0	
77	UBND phường Trần Lãm		3001	DGT	23,9	
			3002	DGT	50,9	
			3003	DGT	53,7	
			3004	DGT	52,5	
			3005	DGT	58,2	
			3006	DGT	62,4	
			3007	DGT	48,1	
			3008	DGT	50,6	
			3009	DGT	67,5	
			3010	DGT	27,1	
			3011	DGT	274,5	
			3012	DGT	16,8	
			3013	DGT	10,6	
			3014	DGT	9,6	
			3015	DGT	19,4	
			3016	DGT	26,8	
			3017	DGT	26,2	
			3018	DGT	33,8	
			3019	DGT	31,9	
			3020	DGT	38,7	

STT	Họ và tên chủ sử dụng	Tờ bản đồ	Số thửa đất	Loại đất	Diện tích thực hiện dự án, thu hồi theo TL địa chính (m²)	Ghi chú
A	B	C	D	E	F	G
	UBND phường Trần Lãm		3021	DGT	32,3	
			3022	DGT	36,0	
			3023	DGT	34,3	
			3024	DGT	30,5	
			3025	DGT	4,2	
			3026	DGT	8,3	
			3027	DGT	816,3	
			3028	DGT	0,4	
			3029	DGT	15,0	
			3030	DGT	6,2	
78	UBND phường Trần Lãm		4001	DTL	521,1	
			4002	DTL	673,3	
			4003	DTL	31,6	
			4004	DTL	29,8	
			4005	DTL	90,9	
			4006	DTL	437,0	
Tổng cộng					7.631,5	